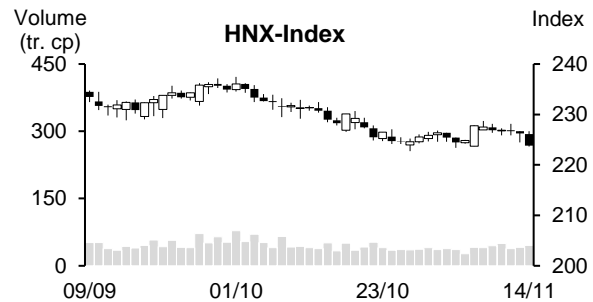
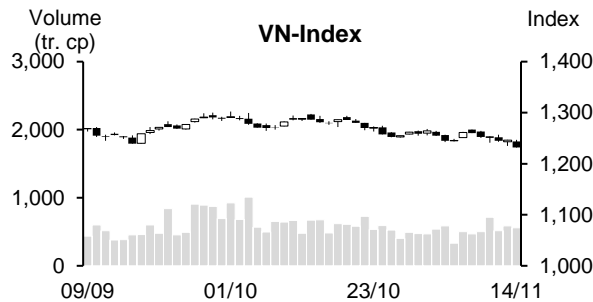


14/11/2024	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,231.89	-1.14%	1,286.65	-1.33%	223.82	-1.06%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>692.87</b>	<b>4.85%</b>	<b>252.12</b>	<b>1.36%</b>	<b>62.13</b>	<b>29.00%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>555.77</b>	<b>-5.48%</b>	<b>186.35</b>	<b>-5.56%</b>	<b>45.32</b>	<b>9.48%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	535.87	3.71%	204.71	-8.97%	39.64	14.32%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>16,141</b>	<b>5.19%</b>	<b>7,172</b>	<b>0.79%</b>	<b>1,211</b>	<b>27.72%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>13,582</b>	<b>-1.05%</b>	<b>5,865</b>	<b>-3.23%</b>	<b>890</b>	<b>3.35%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	12,809	6.03%	6,494	-9.67%	709	25.41%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	82	19%	5	17%	56	25%
<b>Số mã giảm</b>	284	66%	23	77%	120	53%
<b>Số mã đứng giá</b>	62	14%	2	7%	50	22%



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Phủ nhận nhịp phục hồi ngày hôm qua, thị trường trở lại xu hướng điều chỉnh với các chỉ số chính đóng cửa tại mức thấp nhất phiên. Sắc đỏ bao trùm bảng điện trong phần lớn thời gian của phiên giao dịch. Trong phiên sáng, áp lực bán ở các nhóm chưa mạnh và đồng thời nhịp tăng tốt của nhóm Vingroup đã phần nào kìm hãm đà giảm của thị trường chung. Tuy nhiên, sau giờ nghỉ trưa, áp lực bán dâng cao ở nhiều nhóm trụ cột như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, dầu khí, thép, bán lẻ,... Đáng chú ý, động thái bán tháo này có sự cộng hưởng bởi dòng vốn ngoại rút ra mạnh hơn trong bối cảnh áp lực tỷ giá tiếp tục leo thang trong hôm nay. Ở chiều ngược lại, căng biển, dệt may là những nhóm hiếm hoi giữ được sắc xanh.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện nền giảm đặc trở lại, nhanh chóng phủ nhận nền rút chân hôm qua, khi vẫn thiếu vắng lực cầu tham gia. Với tín hiệu này, đà giảm điểm khả năng vẫn còn tiếp diễn về vùng 1200-1220. Hiện các chỉ báo đang bắt đầu vào lại vùng quá bán, kỳ vọng sẽ có nhịp hồi ngắn trở lại nếu tiếp tục giảm nhanh về đây. Đối với HNX-Index, chỉ số tiếp tục có phiên giảm, tạo nền giảm đặc kèm khối lượng tăng, cho thấy áp lực bán gia tăng. Với tín hiệu này, chỉ số đã kết thúc nhịp hồi ngắn, khả năng sẽ quay lại xu hướng giảm và sẽ thử thách đáy quanh 220 trong những phiên tới. Chiến lược chung có thể giữ vị thế và theo dõi tín hiệu quanh hỗ trợ để có hành động phù hợp.

Cổ phiếu khuyến nghị: Chốt lời VEA

(Xem chi tiết ở trang 2)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VEA	Chốt lời	15/11/2024	45.78	45.30	1.1%	49.0	8.2%	43	-5.1%	Tín hiệu suy yếu, khả năng còn giảm điểm

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTR	Mua	13/11/2024	132.90	131.20	1.3%	142	8.2%	123.5	-5.9%	
2	DRI	Mua	14/11/2024	12.20	12.20	0.0%	14	14.8%	11.4	-7%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Kỷ lục: Người dân gửi ngân hàng gần 2.900 tỷ đồng mỗi ngày**

Theo số liệu mới nhất được Ngân hàng Nhà nước công bố, lượng tiền gửi tiết kiệm của dân cư tính đến hết tháng 8 đạt hơn 6,92 triệu tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm 2023. So với cuối tháng 7, lượng tiền gửi tiết kiệm của dân tăng thêm 86.475 tỷ đồng. Như vậy, nếu tính bình quân theo ngày, trong tháng 8, mỗi ngày có gần 2.900 tỷ đồng của người dân được gửi vào ngân hàng. Trong khi đó, lượng tiền gửi từ các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tại các ngân hàng đạt hơn 6,8 triệu tỷ đồng, giảm nhẹ so với cuối năm trước.

Tổng lượng tiền gửi tiết kiệm của cả dân cư và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đến cuối tháng 8 đạt kỷ lục hơn 13,76 triệu tỷ đồng. Đây là mức cao nhất từ trước đến nay.

#### **Việt Nam sắp có ngân hàng sở hữu vốn chủ sở hữu đạt ngưỡng 200.000 tỷ đồng**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2024, tổng vốn chủ sở hữu của 27 ngân hàng trên thị trường chứng khoán vào cuối tháng 9 đạt gần 1,433 triệu tỷ đồng, tăng hơn 140.000 tỷ đồng, tương đương 10,8% so với cuối năm 2023. Trong đó, hầu hết ngân hàng đều ghi nhận sự gia tăng về vốn chủ sở hữu trong 9 tháng đầu năm 2024.

Dẫn đầu hệ thống ngân hàng hiện nay là Vietcombank với mức vốn chủ sở hữu đạt 190.297 tỷ đồng, tăng 25.284 tỷ đồng so với cuối năm 2023. Vietcombank có mức tăng quy mô vốn chủ sở hữu mạnh nhất hệ thống khi ngân hàng này là quán quân về lợi nhuận toàn ngành trong 9 tháng đầu năm. Với mức lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 9.000 tỷ đồng/quý và chiến lược không trả cổ tức tiền mặt, vốn chủ sở hữu của Vietcombank sẽ sớm chạm ngưỡng 200.000 tỷ đồng vào cuối năm 2024 hoặc đầu năm 2025.

Đứng thứ hai toàn ngành về giá trị vốn chủ sở hữu là Techcombank với 144.368 tỷ đồng tại ngày 30/09/2024, tăng 12.752 tỷ đồng so với cuối năm 2023. Đứng sau Techcombank, VPBank hiện có vốn chủ sở hữu ở mức 142.240 tỷ đồng. Trong năm 2024, ngân hàng này đã chi hơn 7.900 tỷ đồng để trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông khiến tốc độ tăng vốn chủ sở hữu chậm lại rõ rệt. Trong 9 tháng đầu năm, VietinBank ghi nhận vốn chủ sở hữu tăng từ 125.872 tỷ đồng lên 140.986 tỷ đồng, tương đương lợi nhuận sau thuế đạt được là 15.114 tỷ đồng. Một ông lớn ngân hàng khác cũng lọt vào Top5 ngân hàng có vốn tự có lớn nhất sàn chứng khoán là BIDV. Tại thời điểm 30/9, vốn chủ sở hữu BIDV đạt 138.440 tỷ đồng, tăng 15.573 tỷ đồng so với cuối năm 2023.

Tính đến cuối quý 3, vốn chủ sở hữu của MB đạt 110.023 tỷ đồng, gia tăng đáng kể so với mức 96.711 tỷ đồng vào cuối năm 2023. Vốn chủ sở hữu của ngân hàng này đã chính thức vượt mốc 100.000 tỷ vào quý 2 dù đã chi hơn 2.600 tỷ đồng để trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 5%.

Ngoài các ngân hàng nêu trên, TOP10 ngân hàng có vốn chủ sở hữu lớn nhất sàn chứng khoán còn có sự góp mặt của những cái tên quen thuộc như: ACB (78.854 tỷ đồng), SHB (55.751 tỷ đồng), HDBank (53.584 tỷ đồng) và Sacombank (51.281 tỷ đồng).

#### **Giá xăng, dầu cùng giảm 250-390 đồng một lít, kg từ 15h ngày 14/11**

Giá xăng, dầu cùng giảm 250-390 đồng một lít, kg từ 15h ngày 14/11, sau điều chỉnh của liên Bộ Công Thương - Tài chính. Cụ thể, so với kỳ điều hành trước đó, hôm nay, giá xăng E5 RON 92 được điều chỉnh giảm 290 đồng/lít, giá bán là 19,450 đồng/lít. Giá xăng RON 95 cũng giảm 250 đồng/lít, giá bán về mức 20,600 đồng/lít. Tương tự, giá dầu diesel được điều chỉnh giảm 340 đồng/lít, giá bán còn 18,570 đồng/lít. Dầu hỏa hạ 310 đồng, mazut bốt 390 đồng một kg.

Nguồn: Cafef, Vietnambiz

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Viettel Construction (CTR) báo lãi gần 550 tỷ sau 10 tháng đầu năm**

Tổng công ty Công trình Viettel (Viettel Construction, mã chứng khoán: CTR) vừa công bố báo ước tính kết quả kinh doanh tháng 10/2024 với doanh thu thuần đạt gần 1.250 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu ngoài Tập đoàn đạt 544 tỷ đồng, tăng 14%. Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt gần 62 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, doanh thu CTR đạt 10.395 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt gần 546 tỷ đồng, tăng trưởng 2%. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 81%-82% kế hoạch kinh doanh cả năm nay.

### **Doanh thu thị trường Mỹ của Vĩnh Hoàn tăng trưởng ba chữ số**

CTCP Vĩnh Hoàn (Mã: VHC) cho biết trong tháng 10, công ty ghi nhận 1.206 tỷ đồng doanh thu, tăng 59% so với cùng kỳ. Nguồn thu chính của Vĩnh Hoàn nằm ở mảng cá tra với 755 tỷ đồng, chiếm 63% doanh thu, tăng 70% so với cùng kỳ.

Xét về thị trường tiêu thụ, tất cả thị trường của Vĩnh Hoàn đều ghi nhận sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ thị trường Mỹ tăng 161% lên 441 tỷ đồng, thị trường nội địa tăng 22% lên 280 tỷ đồng.

Ước tính chung 10 tháng đầu năm, doanh thu Vĩnh Hoàn khoảng 10.535 tỷ đồng.

Năm nay, công ty lên hai kịch bản kinh doanh. Ở kịch bản thấp, kế hoạch doanh thu là 10.700 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ. Ở kịch bản tích cực hơn, mục tiêu doanh thu là 11.500 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2023.

Như vậy, với kịch bản thấp, Vĩnh Hoàn đã thực hiện được 98% kế hoạch. Còn ở kịch bản tích cực hơn, công ty cá tra này thực hiện được 92% mục tiêu năm đặt ra.

### **Becamex IDC muốn hủy động ít nhất 15.000 tỷ từ chào bán cổ phiếu**

HDQT Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC - Mã: BCM) vừa thông qua việc chào bán 300 triệu cổ phiếu ra công chúng, tương đương 28,99% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng. Nếu số lượng chào bán thành công thấp hơn 88,2 triệu cổ phiếu, đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ. Thời gian chào bán dự kiến trong quý IV/2024 hoặc sang năm 2025 sau khi UBCKNN chấp thuận.

Becamex IDC dự kiến thu tối thiểu 15.000 tỷ đồng từ đợt chào bán (giá định số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 300 triệu với giá bán tối thiểu là 50.000 đồng/cp).

Trong 9 tháng đầu năm, Becamex IDC ghi nhận 3.195 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 6% so với cùng kỳ. Lãi sau thuế hơn 769 tỷ đồng, gấp hơn 2,9 lần so với 9 tháng đầu năm 2023.

Năm nay, công ty kỳ vọng đạt 9.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và 2.350 tỷ đồng lãi sau thuế. Sau ba quý, Becamex IDC đã thực hiện được 33% kế hoạch lợi nhuận.

Nguồn: Cafef, Vietnambiz

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BCM	68,600	1.03%	0.01%
HVN	26,250	0.96%	0.01%
HAG	11,750	3.98%	0.01%
LGC	62,000	3.33%	0.01%
VIC	40,700	0.25%	0.01%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
NTP	60,800	2.53%	0.07%
HGM	145,500	9.81%	0.05%
HHC	111,000	7.77%	0.04%
CDN	30,900	2.32%	0.02%
PTI	30,800	2.33%	0.02%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
HPG	26,300	-2.77%	-0.09%
CTG	33,600	-2.18%	-0.08%
BID	45,500	-1.41%	-0.07%
GVR	31,500	-2.33%	-0.06%
VCB	92,000	-0.54%	-0.05%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
PVS	35,000	-4.11%	-0.22%
MBS	27,300	-3.53%	-0.17%
KSV	50,600	-2.69%	-0.09%
SHS	13,600	-2.16%	-0.08%
CEO	14,500	-2.68%	-0.07%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	26,300	-2.77%	26,584,281
VIX	9,920	-2.27%	20,743,727
HAG	11,750	3.98%	17,866,575
VHM	40,350	0.12%	16,950,568
VSC	17,900	4.37%	15,005,974

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	13,600	-2.16%	6,207,130
TNG	25,500	0.79%	2,954,966
CEO	14,500	-2.68%	2,856,370
MBS	27,300	-3.53%	2,705,357
PVS	35,000	-4.11%	2,457,038

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
HPG	26,300	-2.77%	708.3
VHM	40,350	0.12%	690.2
FPT	136,000	-1.31%	653.8
VCI	32,950	-4.77%	414.0
MSN	71,400	-2.19%	327.2

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
PVS	35,000	-4.11%	87.2
SHS	13,600	-2.16%	85.3
TNG	25,500	0.79%	75.3
MBS	27,300	-3.53%	75.1
IDC	56,400	-1.05%	70.3

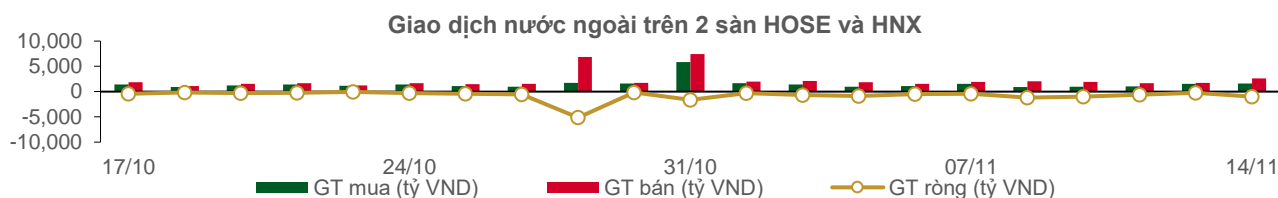
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SSB	26,400,000	451.44
MSB	33,251,535	407.83
MBB	12,749,200	308.08
LPB	6,450,000	212.79
EIB	7,171,400	142.51

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
VIF	12,313,821	224.12
HUT	2,360,000	40.12
GMA	696,000	36.89
DNP	392,000	8.23
VC2	518,000	4.20

## Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	67.67	1,570.03	104.03	2,526.76	(36.36)	(956.73)
HNX	0.87	31.63	2.62	74.71	(1.75)	(43.07)
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>68.54</b>	<b>1,601.66</b>	<b>106.65</b>	<b>2,601.47</b>	<b>(38.11)</b>	<b>(999.80)</b>



### TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
MSB	11,600	24,900,000	306.19
MBB	23,800	12,660,473	305.87
ACB	24,550	3,325,400	88.46
FPT	136,000	487,810	67.17
PNJ	93,000	608,000	57.65

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
IDC	56,400	276,600	15.71
TNG	25,500	167,400	4.27
NTP	60,800	69,300	4.21
BVS	38,800	74,900	2.90
VGS	32,100	24,800	0.80

### TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
MSB	11,600	32,111,735	394.68
MBB	23,800	12,668,200	306.05
FPT	136,000	1,939,007	267.06
VPB	19,000	6,990,600	140.37
VCB	92,000	1,105,200	101.77

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVS	35,000	782,100	27.85
IDC	56,400	293,500	16.73
SHS	13,600	568,880	7.85
VGS	32,100	133,500	4.46
CEO	14,500	254,115	3.75

### TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HAH	48,000	676,208	31.97
VRE	18,100	1,398,000	25.71
MWG	61,300	244,000	14.99
HAG	11,750	1,196,900	13.81
VTP	114,500	117,568	13.49

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
NTP	60,800	60,100	3.66
TNG	25,500	78,500	2.00
IVS	9,600	55,500	0.53
VFS	14,400	21,800	0.31
PVI	48,000	6,500	0.31

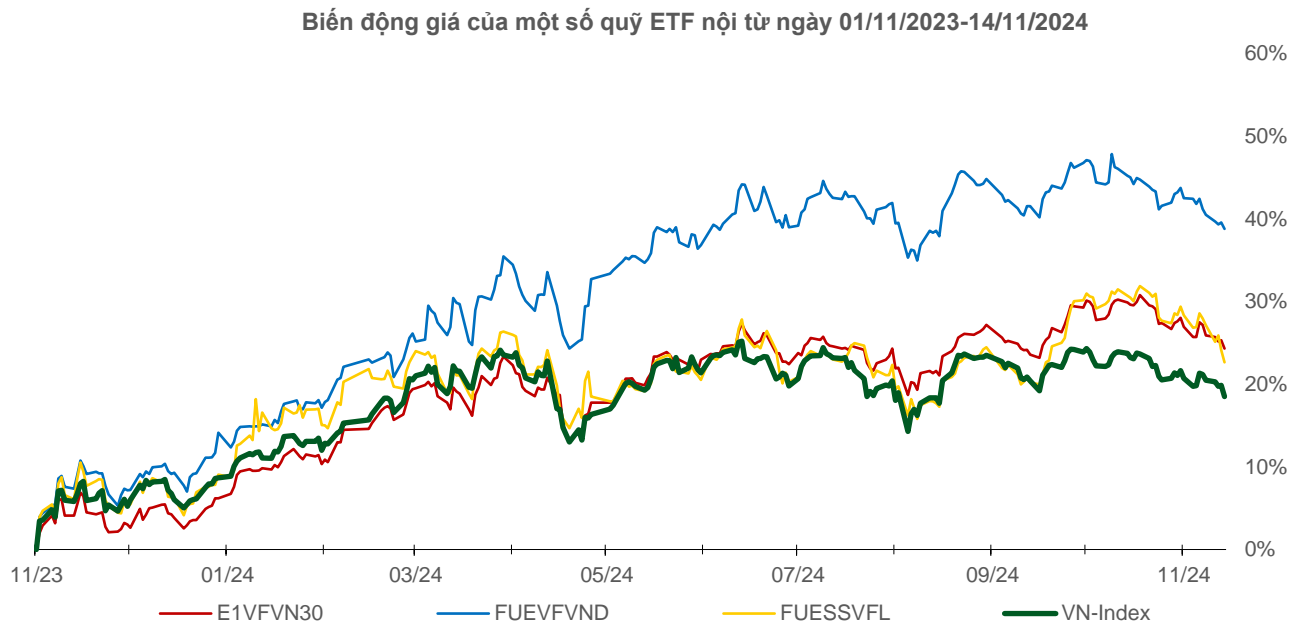
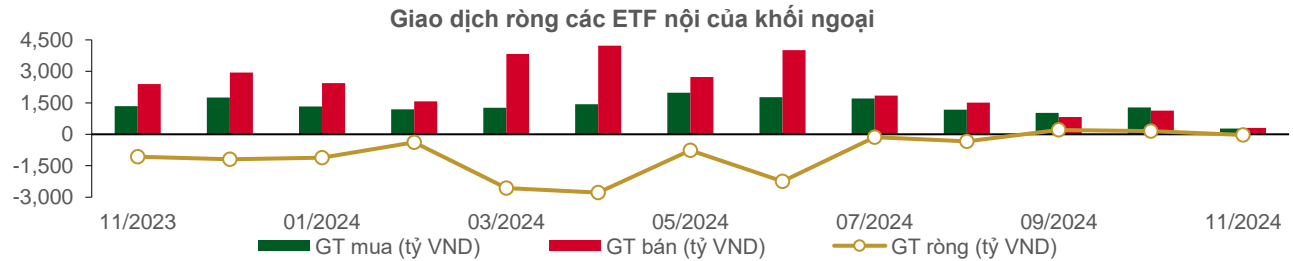
### TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FPT	136,000	(1,451,197)	(199.88)
VPB	19,000	(5,224,300)	(106.81)
MSB	11,600	(7,211,735)	(88.50)
SSI	24,700	(2,958,355)	(74.25)
HPG	26,300	(2,217,304)	(59.13)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	35,000	(773,600)	(27.55)
SHS	13,600	(557,880)	(7.70)
VGS	32,100	(108,700)	(3.67)
CEO	14,500	(245,095)	(3.61)
DTD	27,000	(80,753)	(2.24)

**Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội**

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	22,750	-0.8%	1,794,230	40.46	E1VFN30	34.37	35.53	(1.16)
FUEMAV30	15,500	-0.3%	11,400	0.18	FUEMAV30	0.12	0.01	0.11
FUESSV30	16,220	-0.2%	10,901	0.18	FUESSV30	0.02	0.15	(0.13)
FUESSV50	19,350	-0.8%	23,400	0.45	FUESSV50	0.00	0.45	(0.45)
FUESSVFL	20,750	-1.2%	69,726	1.45	FUESSVFL	0.16	0.02	0.14
FUEVFVND	32,150	-0.6%	656,215	21.14	FUEVFVND	3.41	18.51	(15.10)
FUEVN100	17,300	-1.0%	98,203	1.70	FUEVN100	0.00	1.49	(1.49)
FUEIP100	8,500	-1.2%	500	0.00	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	8,610	-1.8%	2,012,900	17.29	FUEKIV30	17.18	17.29	(0.11)
FUEDCMID	11,550	-3.3%	327,200	3.81	FUEDCMID	0.01	3.78	(3.77)
FUEKIVFS	12,530	0.0%	0	0.00	FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	13,620	0.0%	0	0.00	FUEMAVND	0.00	0.00	0.00
FUEFCV50	11,820	0.1%	4,907	0.06	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00	FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	12,120	0.0%	0	0.00	FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	10,100	0.0%	0	0.00	FUEABVND	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>5,009,582</b>	<b>86.74</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>55.27</b>	<b>77.24</b>	<b>(21.97)</b>



### Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CFPT2314	6,000	-1.3%	23,930	54	136,000	5,814	(186)	86,350	8.6	07/01/2025
CFPT2317	3,830	0.0%	1,280	5	136,000	3,756	(74)	87,210	13.0	19/11/2024
CFPT2401	1,560	-6.6%	70,070	20	136,000	1,360	(200)	124,770	8.6	04/12/2024
CHPG2333	320	-8.6%	64,970	21	26,300	123	(197)	26,360	5.5	05/12/2024
CHPG2334	290	-14.7%	128,270	54	26,300	123	(167)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2339	1,100	-0.9%	2,960	49	26,300	334	(766)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2342	490	-17.0%	6,700	5	26,300	493	3	21,820	9.1	19/11/2024
CHPG2402	1,430	-6.5%	16,630	186	26,300	512	(918)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	360	-10.0%	96,010	110	26,300	93	(267)	30,500	4.0	04/03/2025
CMBB2315	1,480	-2.0%	10,070	54	23,800	1,108	(372)	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	1,590	0.0%	26,420	186	23,800	988	(602)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2403	660	-22.4%	55,440	20	23,800	531	(129)	23,000	2.0	04/12/2024
CMBB2404	1,160	-7.9%	40,110	110	23,800	762	(398)	23,500	2.0	04/03/2025
CMSN2317	280	0.0%	2,530	49	71,400	31	(249)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	910	-1.1%	23,590	110	71,400	245	(665)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2403	30	-50.0%	116,980	28	71,400	4	(26)	90,000	5.0	12/12/2024
CMWG2314	1,100	-9.1%	123,580	54	61,300	1,040	(60)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	1,880	-2.1%	28,660	186	61,300	1,231	(649)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2402	270	-30.8%	19,340	20	61,300	251	(19)	63,490	5.0	04/12/2024
CMWG2403	930	-10.6%	31,740	110	61,300	744	(186)	64,490	5.0	04/03/2025
CPOW2315	280	-15.2%	8,450	49	11,500	25	(255)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2306	390	-17.0%	1,210	49	10,350	10	(380)	12,240	1.9	02/01/2025
CSTB2328	230	-14.8%	297,040	54	32,500	166	(64)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2333	500	-23.1%	73,050	49	32,500	180	(320)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2337	910	-4.2%	15,220	5	32,500	787	(123)	27,000	7.0	19/11/2024
CSTB2402	1,860	-5.1%	69,330	186	32,500	1,444	(416)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2403	800	-18.4%	2,840	20	32,500	671	(129)	30,000	4.0	04/12/2024
CSTB2404	1,070	-10.8%	33,580	110	32,500	764	(306)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2407	320	-25.6%	78,310	28	32,500	222	(98)	33,000	4.0	12/12/2024
CTCB2402	70	-41.7%	87,790	28	22,800	4	(66)	27,500	2.0	12/12/2024
CTPB2402	700	-21.4%	29,630	20	15,750	548	(152)	15,020	1.6	04/12/2024
CVHM2318	270	-32.5%	1,170	49	40,350	2	(268)	53,460	5.0	02/01/2025
CVHM2402	1,740	0.6%	6,430	110	40,350	572	(1,168)	41,500	4.0	04/03/2025
CVHM2403	840	-2.3%	5,470	20	40,350	278	(562)	40,500	4.0	04/12/2024
CVHM2405	340	-2.9%	161,030	28	40,350	43	(297)	45,000	4.0	12/12/2024
CVIB2305	380	-5.0%	7,460	54	18,200	205	(175)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	750	0.0%	23,610	186	18,200	345	(405)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIC2314	150	0.0%	590	49	40,700	5	(145)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2401	120	-33.3%	19,220	20	40,700	37	(83)	45,500	4.0	04/12/2024
CVIC2402	30	-25.0%	251,380	28	40,700	7	(23)	50,000	4.0	12/12/2024
CVNM2311	80	-27.3%	26,840	54	65,000	4	(76)	75,820	9.5	07/01/2025
CVNM2315	80	0.0%	20	49	65,000	0	(80)	84,240	3.8	02/01/2025
CVNM2401	1,290	3.2%	18,550	186	65,000	596	(694)	63,830	7.7	19/05/2025
CVNM2402	150	-25.0%	34,950	20	65,000	32	(118)	68,180	7.7	04/12/2024
CVPB2315	90	-10.0%	55,800	54	19,000	15	(75)	22,170	5.4	07/01/2025
CVPB2319	270	3.9%	9,010	49	19,000	20	(250)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	1,070	-4.5%	17,860	186	19,000	638	(432)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2402	330	-26.7%	99,230	20	19,000	258	(72)	19,000	2.0	04/12/2024
CVPB2403	860	-9.5%	14,420	110	19,000	614	(246)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2406	110	-38.9%	103,990	28	19,000	70	(40)	20,500	2.0	12/12/2024
CVRE2320	40	-20.0%	14,880	49	18,100	0	(40)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2401	40	-20.0%	31,520	20	18,100	3	(37)	21,500	4.0	04/12/2024

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CVRE2402 250 0.0% 65,850 110 18,100 46 (204) 23,500 4.0 04/03/2025

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

**DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH**

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2024F (tỷ VND)
<a href="#">ACB</a>	HOSE	24,550	31,900	04/11/2024	17,120
<a href="#">VPB</a>	HOSE	19,000	24,600	02/10/2024	13,698
<a href="#">SAB</a>	HOSE	56,100	70,700	26/09/2024	4,544
<a href="#">KDH</a>	HOSE	33,350	43,700	25/09/2024	835
<a href="#">CTG</a>	HOSE	33,600	40,200	18/09/2024	20,759
<a href="#">HPG</a>	HOSE	26,300	28,200	06/09/2024	16,149
<a href="#">PVT</a>	HOSE	27,900	31,650	26/08/2024	1,110
<a href="#">POW</a>	HOSE	11,500	15,900	23/08/2024	1,181
<a href="#">TCB</a>	HOSE	22,800	28,200	21/08/2024	23,965
<a href="#">DRI</a>	UPCOM	12,384	14,100	20/08/2024	103
<a href="#">TCM</a>	HOSE	46,900	58,500	14/08/2024	277
<a href="#">NT2</a>	HOSE	18,600	22,300	09/08/2024	73
<a href="#">VNM</a>	HOSE	65,000	76,100	07/08/2024	9,705
<a href="#">BMI</a>	HOSE	20,200	29,200	07/08/2024	375
<a href="#">IJC</a>	HOSE	13,300	17,300	06/08/2024	538
<a href="#">QNS</a>	UPCOM	49,234	58,500	02/08/2024	2,202
<a href="#">ANV</a>	HOSE	18,150	35,300	05/07/2024	145
<a href="#">DPR</a>	HOSE	38,050	44,600	02/07/2024	350
<a href="#">GEG</a>	HOSE	10,750	18,300	01/07/2024	1,463
<a href="#">GAS</a>	HOSE	69,000	82,900	03/06/2024	11,155
<a href="#">VHC</a>	HOSE	73,800	79,300	28/05/2024	1,117
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	19,740	23,200	24/05/2024	5,111
<a href="#">CTD</a>	HOSE	66,300	87,500	24/05/2024	316
<a href="#">IMP</a>	HOSE	42,800	77,200	13/05/2024	383
<a href="#">DGC</a>	HOSE	116,300	118,800	08/05/2024	3,864
<a href="#">FMC</a>	HOSE	46,600	55,100	04/05/2024	343
<a href="#">PVD</a>	HOSE	23,200	31,000	02/05/2024	780
<a href="#">HDB</a>	HOSE	25,250	31,000	16/04/2024	13,140
<a href="#">STK</a>	HOSE	25,050	38,550	04/04/2024	132
<a href="#">MSB</a>	HOSE	11,600	20,700	19/03/2024	5,749
<a href="#">VIB</a>	HOSE	18,200	27,000	07/02/2024	9,843
<a href="#">VHM</a>	HOSE	40,350	63,300	26/01/2024	27,904
<a href="#">MSH</a>	HOSE	52,000	55,900	17/01/2024	318
<a href="#">SIP</a>	HOSE	82,000	83,400	10/01/2024	1,123
<a href="#">KBC</a>	HOSE	28,650	36,000	10/01/2024	1,647
<a href="#">IDC</a>	HNX	56,400	56,000	10/01/2024	2,212
<a href="#">VCB</a>	HOSE	92,000	87,329	10/01/2024	37,497
<a href="#">BID</a>	HOSE	45,500	55,870	10/01/2024	25,522
<a href="#">MBB</a>	HOSE	23,800	29,592	10/01/2024	23,926
<a href="#">TPB</a>	HOSE	15,750	24,130	10/01/2024	7,508
<a href="#">OCB</a>	HOSE	10,500	19,164	10/01/2024	4,880
<a href="#">STB</a>	HOSE	32,500	34,494	10/01/2024	9,865
<a href="#">LPB</a>	HOSE	31,400	18,389	10/01/2024	4,731
<a href="#">SHB</a>	HOSE	10,350	16,146	10/01/2024	10,044
<a href="#">MWG</a>	HOSE	61,300	61,600	10/01/2024	2,325
<a href="#">FRT</a>	HOSE	166,000	119,200	10/01/2024	305
<a href="#">DGW</a>	HOSE	42,300	55,300	10/01/2024	665
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	93,000	101,000	10/01/2024	2,357
<a href="#">PLX</a>	HOSE	38,950	42,300	10/01/2024	4,395
<a href="#">PVS</a>	HNX	35,000	40,300	10/01/2024	1,136
<a href="#">NLG</a>	HOSE	38,600	40,600	10/01/2024	631
<a href="#">VRE</a>	HOSE	18,100	37,700	10/01/2024	4,252

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo



## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458  
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,  
Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912